

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 08 – 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Lan và ông Lê Như Toàn.

- **Thư ký phiên toà:** ông Nguyễn Văn Cảnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên toà:** bà Trương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh ngày: 24/10/1981 tại T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường V, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị C; có vợ là Nguyễn Thị T2, có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

*** Bị hại:**

- Anh **Vũ Đình M**; sinh năm 1997; nơi cư trú: tổ E, khu D, phường B (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Bùi Thị Vân A**; sinh năm 2006; nơi cư trú: tổ B, khu E, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Ngô Thanh H**; sinh năm 1988; nơi cư trú: Đ, phường G (nay là phường V), tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà **Phạm Thị C**; sinh năm 1950; nơi cư trú: tổ A, khu B, phường H (nay là phường V), tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh **Bùi Thế H1**; sinh năm 1991; nơi cư trú: khu F, phường Y (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân, nên khoảng 01 giờ, ngày 19/3/2025, T đi bộ một mình lang thang đến dãy nhà trọ thuộc tổ B, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh) để tìm xem có ai sở hữu sẽ trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực này, T thấy có một dãy phòng trọ, trong đó phòng trọ số 2 tính từ ngoài đường đi vào vẫn đang sáng đèn, khi nhìn qua ô thoáng phía sau phòng trọ, T thấy có 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone để ở đầu giường ngủ, trong phòng có anh Vũ Đình M và chị Bùi Vân A đang thức nên T đi bộ ra ngoài dãy trọ ngồi đợi đến khi nào hai người đi ngủ thì sẽ vào phòng lấy trộm 03 chiếc điện thoại trên. Khoảng 02 giờ cùng ngày, T quay lại phòng trọ, thấy anh M và chị Vân A đã ngủ say nên tìm cách mở cửa phòng trọ. T đi xung quanh dãy nhà, nhặt 01 con dao bằng kim loại ở khu vực téc nước, cách cửa phòng trọ khoảng 10m, rồi dùng con dao này cạy then cài cửa phòng trọ số 2 và đột nhập vào bên trong lén lút lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus bên trong không lắp sim, màu xám, dung lượng 32GB và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng, dung lượng 256GB của chị Bùi Thị Vân A; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám - trắng, dung lượng 256GB của anh Vũ Đình M. Sau đó, T giấu 03 chiếc điện thoại vào trong túi quần bên phải rồi đi về nhà. Quá trình di chuyển, T vứt con dao dùng để cạy cửa và sim của 02 chiếc điện thoại Iphone 15 Pro Max tại khu vực phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh).

Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T đem 03 chiếc điện thoại trên đến cửa hàng M1, tại số B, đường B, tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường V, tỉnh Quảng Ninh) bán cho anh Ngô Thanh H với tổng số tiền là 10.300.000đ (mười triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền có được, T đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được điện thoại của T: đổi với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng, anh H giữ lại ở cửa hàng; còn chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám - trắng, anh H đã giao cho anh Bùi Thế H1 để gửi bán cho khách ở Hải Phòng thông qua dịch vụ “Giao hàng tiết kiệm”. Ngày 25/03/2025, anh Vũ Đình M đến Công an tỉnh Q trình báo sự

việc bị trộm mất tài sản. Hồi 10 giờ 30 phút ngày 27/3/2025, Nguyễn Văn T đến Phòng C1 - Công an tỉnh Q đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng, tài sản thu giữ được: sau khi biết nội dung sự việc, anh Bùi Thế H1 tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám - trắng. Anh Ngô Thanh H tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu ghi và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng.

Kết luận định giá tài sản số 37/KLĐGTS ngày 28/3/2025, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: “01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám – trắng dung lượng 256GB trị giá 27.617.000đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng, dung lượng 256GB trị giá 29.657.000đ (hai mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu ghi, dung lượng 32GB trị giá 2.240.000đ (hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng)”. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 59.514.000đ (năm mươi chín triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng).

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Bị cáo còn khai: khi mang bán 03 chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh Ngô Thanh H tại cửa hàng “M1” thu được 10.300.000đ, bị cáo không nói cho anh H biết về nguồn gốc tài sản, toàn bộ số tiền có được bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã nhờ mẹ đẻ của mình là bà Phạm Thị C trả lại toàn bộ số tiền 10.300.000đ cho anh Ngô Thanh H.

Quá trình điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án, bị hại anh Vũ Đình M và chị Bùi Thị Vân A đều có lời khai và quan điểm thể hiện: khoảng 01 giờ ngày 19/3/2025 trong khi anh M và chị Vân A đang ngủ tại phòng trọ của chị Vân A thuộc Tổ B, khu E, phường B, tỉnh Quảng Ninh thì bị người khác đột nhập lấy trộm của anh M 01 chiếc điện thoại Iphone 15 Pro Max, màu xám – trắng dung lượng 256GB; lấy của chị Vân A: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng, dung lượng 256GB và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu ghi, dung lượng 32GB. Đây là tài sản riêng của anh M và chị Vân A. Trong giai đoạn điều tra, anh M và chị Vân A đều đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trả lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt có lời khai và quan điểm thể hiện:

Anh Ngô Thanh H khai: khoảng 08 giờ 30 T đi đến cửa hàng điện thoại Mai L do anh H quản lý, trông coi. Khi đến nơi T thỏa thuận bán 03 chiếc điện thoại như đã nêu ở trên cho anh H nhưng T không nói nguồn gốc tài sản cho anh H biết. Sau khi kiểm tra máy, thấy các điện thoại này đều không hiện lên thông báo mất máy nên anh H đồng ý mua cả 03 máy với giá 10.300.000đ thì T đồng ý. Sau khi mua điện

thoại, anh H giao bán chiếc điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám cho một khách hàng có tên Facebook “Lê Bá H2” nhà ở Hải Phòng với giá 10.000.000đ qua dịch vụ “Giao hàng tiết kiệm” do anh Bùi Thế H1 là người phụ trách giao đơn hàng. Tuy nhiên, sau đó khách hàng báo không mua máy nữa và hủy đơn hàng. Sau khi sự việc T trộm cắp bị cơ quan chức năng phát hiện, anh H1 và anh Bùi Thế H1 đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra cả 03 chiếc điện thoại mà trước đó anh H1 đã mua của T. Quá trình điều tra, anh H1 đã được mẹ đẻ của T trả lại số tiền 10.300.000đ mà trước đó anh H1 đã trả cho T để mua 03 chiếc điện thoại. Vì vậy, anh H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác về tài sản đối với bị cáo.

Bà Phạm Thị C khai: bà C là mẹ đẻ của bị cáo T, trong giai đoạn điều tra, T đã tác động nhờ bà C bồi thường tổng số tiền 10.300.000đ cho anh Ngô Văn H3. Đây là khoản tiền riêng của bà C, tự nguyện bồi thường thay cho T, bà C không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này, cũng không có yêu cầu đề nghị gì khác về tài sản đối với bị cáo.

Người làm chứng có lời khai phù hợp với diễn biến, nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 4049/CT-VKSKV1 ngày 07 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh đã truy tố bị can Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27/3/2025). Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội là đúng người, đúng tội, không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 02 giờ ngày 19/3/2025 tại tổ B, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám – trắng, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng, trị giá 2.240.000 đồng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu trắng, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng, trị giá 29.657.000 đồng của chị Bùi Thị Vân A; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám - trắng, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng, trị giá 27.617.000 đồng của anh Vũ Đình M. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 59.514.000đ (năm mươi chín triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ninh đã truy tố.

[3] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng chỉ vì muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu tiêu xài cá nhân đã lợi dụng lúc đêm khuya vắng người qua lại và lợi dụng sơ hở của người khác, chiếm đoạt nhiều tài sản có giá trị của bị hại. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, gây hoang mang và lo lắng cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những để trừng trị mà còn cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):

Bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền hoặc có yêu cầu đề nghị gì khác về tài sản đối với bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng, tài sản đã thu giữ của vụ án:

Các vật chứng, tài sản thu giữ được trong vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q xử lý theo quy định. Không còn vật chứng, tài sản nào khác phải xử lý nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với anh Ngô Thanh H là người đã mua 03 chiếc điện thoại di động do T trộm cắp được. Tuy nhiên, anh H không biết đây tài sản do T phạm tội mà có nên không đủ cơ sở xử lý về hình sự, Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27/3/2025).

2. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyền